

Bản án số: 238/2021/DS-PT
Ngày: 18/3/2021
V/v tranh chấp nợ hui và đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Lê Thị Ngọc Hương**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Cương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Đoàn Bích Trâm**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/3/2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 05/01/2021 về việc “Tranh chấp nợ hui và đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 383/2020/DS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2021/QĐ-PT ngày 03/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1718/2021/QĐ-PT ngày 01/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trịnh Văn T**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 184 ấp THT, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Vũ Ngọc L**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: 137 đường tỉnh lộ 7, ấp LTT, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên và bị đơn là chỗ quen biết và có làm ăn với nhau, nên nguyên đơn có tham gia chơi các dây hui do bà L làm đầu thảo. Cụ thể, trong dây hui

500.000 đồng, ông tham gia 03 phần/tháng. Đối với dây hụi 1.000.000 đồng, ông tham gia 02 phần. Mỗi dây hụi có 18 người chơi. Ngoài ra, nguyên đơn còn tự nguyện đưa cho bị đơn mượn số tiền 15.000.000 đồng, do ông nghĩ mẹ của ông (bà Lê Thị R) còn nợ tiền bị đơn. Vào năm 2004, hụi mãn nhưng bị đơn không trả tiền cho ông.

Năm 2006, ông vi phạm pháp luật nên đi chấp hành án. Đến năm 2011, ông trở về địa phương thì ông với bà L xảy ra tranh chấp. Khi đó, bà L đã khởi kiện ông và mẹ của ông về việc nợ tiền.

Ông T xác định bà L còn nợ ông các khoản tiền như sau: 02 phần hụi 1.000.000 đồng, trừ tiền thảo, bà L còn nợ 33.000.000 đồng; 03 phần hụi 500.000 đồng, trừ tiền thảo, bà L còn nợ 24.750.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng ông cho mượn, cộng với tiền lãi 13 tháng của số tiền 15.000.000 đồng là 11.700.000 đồng. Tại phiên Tòa, ông T yêu cầu bà L trả cho ông tổng số tiền là 84.450.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

Theo lời trình bày của bị đơn thì: Bà không thừa nhận có giao dịch chơi hụi với ông T, không nợ tiền hụi, cũng không có nhận số tiền 15.000.000 đồng mà ông T trình bày là đã đưa bà vào ngày 05/01/2005. Việc ông T khởi kiện bà là hoàn toàn không đúng sự thật. Bà L không đồng ý trả bất kỳ số tiền nào mà ông T yêu cầu. Bà xác định không giữ giấy tờ ghi hụi như ông T trình bày nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Bản án sơ thẩm số 383/2020/DS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Trịnh Văn T đối với yêu cầu đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 2594 ngày 18/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện CC cấp cho ông Trịnh Văn Lễn.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T về việc yêu cầu bà Vũ Ngọc L trả số tiền tổng cộng là 84.450.000đ (tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Án phí DSST là 4.222.500 (bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng, buộc ông Trịnh Văn T phải chịu; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.748.750 (một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi) đồng; ông T còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.473.750 (hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 04/12/2020 nguyên đơn ông T kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xét lại bản án sơ thẩm, buộc bà L phải trả tiền cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận bản án dân sự sơ thẩm số 383/2020/DS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên đúng trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn- ông Trịnh Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức: Đơn kháng cáo được thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: với yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Vũ Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

Đối với bà Trịnh Thị Cẩm L1 và bà Lê Thị R, xét thấy bà L1, bà R không liên quan đến nội dung vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng.

Đối với ông Nguyễn Văn T là chồng bà L, nguyên đơn xác định không yêu cầu ông Thanh liên đới trả nợ nên xét thấy không cần thiết đưa ông Thanh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về nội dung: với yêu cầu kháng cáo, bị đơn đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ do chính nguyên đơn cung cấp, và tại các bản tự khai của nguyên đơn, nhận thấy nguyên đơn liên tục thay đổi lời khai và số nợ hui (BL 63, 73, 75, 95, 139, 163). Và cuối cùng tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn trả cho ông số tiền là 84.450.000 đồng, đồng thời ông cũng rút lại yêu cầu về việc buộc bị đơn trả cho mẹ của ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét tài liệu chứng cứ mà ông T cung cấp cho Tòa án là các bản photo giấy ghi tiền (BL54-BL56), ông T thừa nhận đây là chữ viết, chữ ký của ông ghi nằm trong sổ của bà L, do bà L đang giữ bản chính. Căn cứ vào các giấy ghi tiền này đều do ông T tự viết, tự ký tên và nội dung của các giấy ghi tiền không chứng minh được bà L có nợ ông T số tiền hui 57.750.000đ và nợ số tiền 15.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của ông T hoàn toàn không có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là đúng đắn.

Đối với việc ông T rút lại yêu cầu đòi Giấy chứng nhận, là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận và đình chỉ phần yêu cầu này là có căn cứ.

Vì lẽ đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn- ông Trịnh Văn T, giữ y bản án sơ thẩm.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 4.222.500 (bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 256, 479 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 383/2020/DS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Trịnh Văn T đối với yêu cầu đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 2594 ngày 18/10/2000 do Ủy ban nhân dân huyện CC cấp cho ông Trịnh Văn L3.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T về việc yêu cầu bà Vũ Ngọc L trả số tiền 84.450.000 (tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.222.500 (bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng, ông Trịnh Văn T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.748.750 đồng, theo biên lai thu số 00922 ngày 17/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC. Ông T còn phải nộp 2.473.750 (hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0085252 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H.CC;
- Chi cục THADS H.CC;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Tiên